

Số: 329/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Thưởng tiền do được tặng Giấy khen

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14/5/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong Ngành Kiểm sát nhân dân;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thưởng 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) cho mỗi tập thể; 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi cá nhân các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 60 năm ngày thành lập Ngành Kiểm sát nhân dân, 75 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9” (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các tập thể, cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đ/c Lãnh đạo VKSNDTC;
- Phòng Tài vụ thuộc Văn phòng;
- Phòng Trang tin điện tử VKSNDTC;
- Lưu: VT, V16.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trâm



DANH SÁCH

**Thưởng tiền cho tập thể và cá nhân các đơn vị
thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao được tặng Giấy khen
Trong phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Kỷ niệm 90 năm thành lập
Đảng Cộng sản Việt Nam, 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 60 năm
thành lập Ngành KSND, 75 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9
(Kèm theo Quyết định số 329/QĐ-VKSTC ngày 16 tháng 9 năm 2020
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)**

I. TẬP THỂ

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN AN NINH

1. Phòng THQCT và KSĐT các vụ án về an ninh xã hội (Phòng 3);
2. Phòng THQCT và KSĐT các vụ án về an ninh kinh tế (Phòng 4);

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN MA TUÝ

3. Phòng THQCT và KSĐT án phía Nam (Phòng 4);

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN THAM NHŨNG

4. Phòng THQCT và KSĐT án tham nhũng, chức vụ trong các cơ quan quản lý Nhà nước và Tổ chức xã hội (Phòng 3);

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP, THAM NHŨNG, CHỨC VỤ XẢY RA TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

5. Phòng Tham mưu, tổng hợp (Phòng 1);
6. Phòng THQCT và KSĐT án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp hình sự (Phòng 3);
7. Phòng THQCT và KSĐT án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp khác (Phòng 4)

VỤ KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

8. Phòng Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam (Phòng 2);

VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ, VIỆC DÂN SỰ, HN & GD

9. Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc về quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản (Phòng 2);
10. Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc về thừa kế, chia tài sản chung, hôn nhân và gia đình và các vụ, việc dân sự khác (Phòng 4);

**VỤ KIỂM VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KDTM,
LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

11. Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính (Phòng 2);
12. Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ việc kinh doanh, thương mại (Phòng 3);
13. Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ việc lao động (Phòng 4);

VỤ KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

14. Phòng Kiểm sát thi hành các bản án, quyết định dân sự, hành chính khu vực phía Bắc;
15. Phòng Kiểm sát thi hành các bản án, quyết định dân sự, hành chính khu vực miền Trung;
16. Phòng Kiểm sát thi hành các bản án, quyết định dân sự, hành chính khu vực phía Nam;

VỤ KS & GQ ĐƠN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

17. Phòng Kiểm sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp;

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

18. Phòng Đối ngoại;
19. Phòng THQCT và Kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự;

VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC

20. Phòng Quản lý khoa học và tổng hợp;

VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ

21. Phòng Bảo vệ chính trị nội bộ;
22. Phòng Chính sách cán bộ;

VỤ THI ĐUA – KHEN THƯỞNG

23. Phòng Thi đua – Khen thưởng trung ương;

CỤC THỐNG KÊ TỘI PHẠM VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

24. Phòng Công nghệ thông tin;
25. Phòng Tham mưu, tổng hợp;

CỤC KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH

26. Phòng Tài chính – Kế toán;

THANH TRA

27. Phòng Thanh tra tài chính đầu tư;
28. Phòng Xử lý sau thanh tra./.

II. CÁ NHÂN**VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN AN NINH**

- | | | |
|----|----------------------|--------------------------|
| 1. | Lê Thị Bích Hòa | Phó Vụ trưởng; |
| 2. | Hoàng Thị Hiền | Trưởng phòng 4; |
| 3. | Phạm Ngọc Trung | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 4. | Lưu Hoàng Tuấn | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 5. | Nguyễn Thị Lan Hương | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 6. | Nguyễn Thành Chung | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 7. | Ngô Thị Thanh Huyền | Kiểm tra viên; |
| 8. | Nguyễn Thị Huệ | Kiểm tra viên |
| 9. | Tổng Hoài Linh | Chuyên viên; |

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN MA TUÝ

- | | | |
|-----|-------------------|--------------------------|
| 10. | Nguyễn Quỳnh Xuân | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 11. | Nguyễn Tiến Trung | Kiểm sát viên trung cấp; |

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN THAM NHŨNG

- | | | |
|-----|--------------------|--------------------------|
| 12. | Nguyễn Thanh Tú | Kiểm sát viên cao cấp; |
| 13. | Nguyễn Đăng lâm | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 14. | Nguyễn Thanh Hương | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 15. | Vũ Lê Thành Nam | Chuyên viên; |

**VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP,
THAM NHŨNG, CHỨC VỤ XẢY RA TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP**

- | | | |
|-----|--------------------|--------------------------|
| 16. | Phạm Huy Cường | Phó Trưởng phòng 2; |
| 17. | Trần Thị Hiền | Phó Trưởng phòng 1; |
| 18. | Nguyễn Thị Yến | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 19. | Phạm Thị Thu Hương | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 20. | Vũ Thị Thu Hường | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 21. | Phạm Thanh Tuyền | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 22. | Lê Thị Hạnh Giang | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 23. | Hoàng Thị Thanh Hà | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 24. | Phạm Bích Liên | Kiểm tra viên; |
| 25. | Đỗ Minh Tuấn | Chuyên viên; |
| 26. | Nguyễn Trung Tuấn | Kiểm sát viên cao cấp; |

VỤ KS VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

- | | | |
|-----|-------------------|-----------------------|
| 27. | Vũ Quang Thắng | Phó Trưởng phòng 2; |
| 28. | Trần Tuấn Anh | Kiểm tra viên; |
| 29. | Đinh Thị Minh Cầm | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 30. | Nguyễn Lương Phú | Chuyên viên; |

VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ, VIỆC DÂN SỰ, HN VÀ GIA ĐÌNH

- | | | |
|-----|----------------------|--------------------------|
| 31. | Nguyễn Thị Kiều Diễm | Phó Vụ trưởng; |
| 32. | Trần Thùy Dương | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 33. | Đoàn Thị Thu | Trưởng phòng 2; |
| 34. | Trần Minh Sơn | Phó Trưởng phòng 2; |
| 35. | Phạm Thị Thu | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 36. | Đinh Tuấn Anh | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 37. | Trần Đăng Hưng | Kiểm tra viên chính; |
| 38. | Bùi Thị Kim Cúc | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 39. | Lê Thị Phương Thảo | Kiểm sát viên trung cấp; |

VỤ KIỂM VIỆC GQ CÁC VỤ ÁN HC, VỤ VIỆC KDTM, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

- | | | |
|-----|-----------------------|--------------------------|
| 40. | Vi Việt Vương | Chuyên viên; |
| 41. | Nguyễn Thị Việt Chung | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 42. | Lý Quỳnh Dương | Kiểm tra viên; |
| 43. | Nguyễn Thị Hòa | Kiểm sát viên sơ cấp; |

VỤ KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

- | | | |
|-----|----------------|--------------------------|
| 44. | Chu Công Khanh | Trưởng phòng; |
| 45. | Lê Xuân Phương | Trưởng phòng; |
| 46. | Nguyễn Đức Hải | Phó Trưởng phòng; |
| 47. | Lê Thị Thu Lý | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 48. | Trần Văn Giáp | Kiểm sát viên sơ cấp; |

VỤ KS & GQ ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

- | | | |
|-----|-----------------------|--------------------------|
| 49. | Vũ Thị Thu Hằng | Phó Vụ trưởng; |
| 50. | Phạm Thị Thìn | Phó Trưởng phòng 4; |
| 51. | Tô Thị Hải Yến | Trưởng phòng 2; |
| 52. | Phan Thị Hà | Phó Trưởng phòng 1; |
| 53. | Nguyễn Thị Xuân Hương | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 54. | Lê Ngọc Lâm | Kiểm sát viên trung cấp; |

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

- | | | |
|-----|----------------------|-----------------------|
| 55. | Nguyễn Thị Thu Trang | Phó Trưởng phòng; |
| 56. | Phạm Thùy Dương | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 57. | Nguyễn Thu Hương | Kiểm tra viên; |
| 58. | Nguyễn Tiến Dũng | Chuyên viên; |

VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC

59.	Phạm Hoàng Diệu Linh	Phó Vụ trưởng;
60.	Lại Thị Thu Hà	Trưởng phòng;
61.	Lương Thị Hiền	Phó Trưởng phòng;
62.	Hoàng Văn Thắng	Kiểm sát viên sơ cấp;
63.	Nguyễn Thị Hương	Kiểm sát viên sơ cấp;
64.	Lê Thị Linh	Kiểm tra viên;
65.	Nguyễn Trọng Tiến	Chuyên viên;
66.	Lương Thành An	Chuyên viên;
67.	Đặng Thị Yên	Cán sự;

VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ

68.	Quách Đình Thắng	Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ địa phương;
69.	Đào Lê Văn	Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ địa phương;
70.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Kiểm sát viên sơ cấp;
71.	Vũ Thị Sao Mai	Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ trung ương;

VỤ THI ĐUA – KHEN THƯỞNG

72.	Phạm Thị Kiều Nga	Chuyên viên;
73.	Tô Thị Minh Phương	Trưởng phòng Thi đua - Khen thưởng địa phương;
74.	Đỗ Thị Thanh Hoa	Kiểm tra viên;

CỤC THỐNG KÊ TỘI PHẠM VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

75.	Nguyễn Thị Thu Hà	Kiểm tra viên;
76.	Ngô Thị Thanh Xuân	Kiểm tra viên;
77.	Nguyễn Lê Thắng	Kiểm sát viên trung cấp;
78.	Nguyễn Văn Dũng	Kiểm tra viên;

CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

79.	Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Trưởng phòng Tham mưu, tổng hợp;
80.	Nguyễn Thị Minh Hiền	Phó Trưởng phòng tài chính – Kế toán;
81.	Đoàn Thị Thanh Bằng	Phó Trưởng phòng Kế hoạch ngân sách;
82.	Nguyễn Minh Tuấn	Phó Trưởng phòng Tài sản trang phục;
83.	Trương Tuấn Linh	Chuyên viên;
84.	Lỗ Văn Dương	Chuyên viên;

VĂN PHÒNG

85.	Đinh Như Quỳnh	Kiểm sát viên sơ cấp;
86.	Đào Xuân Toàn	Kiểm sát viên sơ cấp;
87.	Vũ Ngọc Hà	Kiểm tra viên;
88.	Vũ Thị Quyên	Kiểm sát viên sơ cấp;

- | | | |
|------|----------------------|--------------------------|
| 89. | Đỗ Văn Thường | Trưởng phòng Ban Thư ký; |
| 90. | Hoàng Gia Cường | Nhân viên; |
| 91. | Lê Quý Thành | Nhân viên; |
| 92. | Đào Thị Hương Nhu | Nhân viên; |
| 93. | Bùi Thị Minh Huệ | Trưởng phòng Tài vụ; |
| 94. | Bùi Thị Hoa | Phó Trưởng phòng Tài vụ; |
| 95. | Nguyễn Thị Hồng Thắm | Chuyên viên; |
| 96. | Phạm Phương Thúy | Chuyên viên; |
| 97. | Nguyễn Đình Liệu | Nhân viên; |
| 98. | Kiều Hải Yến | Nhân viên; |
| 99. | Nguyễn Thị Tâm | Nhân viên; |
| 100. | Trần Trọng Nghĩa | Lái xe; |
| 101. | Nguyễn Hải Mạnh | Lái xe; |
| 102. | Nguyễn Thành Nam | Lái xe; |
| 103. | Lý Hồng Quang | Lái xe; |

THANH TRA

- | | | |
|------|------------------|--------------------------|
| 104. | Trần Kim Quy | Phó Trưởng phòng; |
| 105. | Nguyễn Ngọc Linh | Phó Trưởng phòng; |
| 106. | Nguyễn Thế Thái | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 107. | Phạm Thanh Vân | Kiểm tra viên; |
| 108. | Hoàng Văn Nhã | Chuyên viên; |
| 109. | Phạm Tuấn Thành | Chuyên viên./. |